TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 26-5- 2020
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Huệ
2. Ông Nguyễn Đắc Nghị

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 21-5-2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống cùng nhau như vợ chồng do tự nguyện tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn (vì thơi gian này anh T chưa ly hôn vợ cũ), chị và anh T có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào cuối năm 2016. Sau khi tổ chức cưới, anh T sinh sống tại thôn Đ, xã T còn chị chủ yếu sống ở nhà bố mẹ đẻ ở khu T, thị trấn H, chị và anh T chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống hơn nữa anh T không quan tâm đến vợ con, giữa chị và anh T nhiều lần xảy ra cãi nhau. Anh T nhiều lần chửi và đuổi chị đi. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 6 năm 2019, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 25-11-2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 05-3-2019, hiện do chị nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị N chung sống cùng nhau như vợ chồng do tự nguyện tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào cuối năm 2016. Sau khi tổ chức cưới, anh và chị N chung sống hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hay xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 6 năm 2019, đôi bên xảy ra cãi nhau, không khắc phục được đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị N là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 25-11-2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 05-3-2019, hiện do chị N nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh nhường chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và anh không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu được Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[2] Về hôn nhân: Tại đơn đề nghị có xác nhận của UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thể hiện: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T không đăng ký kết hôn, không xin giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để kết hôn với anh Nguyễn Văn T, chị N và anh T đều trình bầy hai người không đăng ký kết hôn. Vì vậy cần xác định chị N và anh T có chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi tổ chức cưới, chị N và anh T chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nay chị N và anh T đều yêu cầu Tòa án không công nhận chị N và anh T là vợ chồng. Xét thấy chị N và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị N và anh T, xử tuyên bố không công nhận chị N và anh T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trâm A, sinh ngày 25-11-2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 05-3-2019, hiện do chị N nuôi dưỡng, chị N và anh T thống nhất để chị N trực tiếp nuôi cả 02 con chung, anh T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14,53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 25-11-2017 và Nguyễn Phúc Minh K, sinh ngày 05-3-2019, anh T không

phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005906 ngày 19-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND thị trấn H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy